

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2021/DS-ST

Ngày: 08 - 4 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự,  
mua bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông M Minh Chánh.

2. Ông Lê Trung Thành.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự, mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2021/QĐST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Tổ 11/11, ấp TT, xã TL, huyện TB, tỉnh AG (có mặt)

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Lôi Văn Đ  
- Là Luật sư của Văn phòng luật sư Hùng Đức thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang, địa chỉ: Số 368 CT, thành phố CĐ, tỉnh AG (có mặt)

**2. Bị đơn:**

- Ông Lê Thành Th, sinh năm 1972 (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Tuyết M (L), sinh năm 1973 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp HT, xã ĐHC, huyện CP, tỉnh AG.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 10/6/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Quốc Đ trình bày:*

Vào ngày 24 tháng 3 năm 2020 (vụ Đông Xuân 2020), ông Lê Thành Th và bà Nguyễn Thị Tuyết M (Ly) có đến cửa hàng của ông Đ để mua vật tư nông nghiệp với số tiền 314.000.000 đồng, hình thức thanh toán là mua hàng và nợ nổi đầu qua vụ tiếp theo, thỏa thuận lãi chậm thanh toán là 2%/tháng. Ông Đ nhiều lần nhắc nhở ông Th và bà M trả tiền nợ mua hàng để được giảm nợ và tiếp tục mua hàng vụ tiếp theo, nhưng ông Th và bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và không còn mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng của ông Đ nữa.

Tính đến ngày 26 tháng 5 năm 2020, ông Th và bà M còn nợ ông Đ số tiền mua vật tư nông nghiệp là 314.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ được ông Th và bà M xác nhận; cho đến nay ông Th và bà M vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay ông Đ yêu cầu Tòa án buộc ông Th và bà M có trách nhiệm liên đới trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 314.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 26/5/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

*Tại phiên hòa giải ngày 20/10/2020 tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Tuyết M (Ly) trình bày:* Thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp của cửa hàng ông Đ và còn nợ lại số tiền 314.000.000 đồng. Bà M xin trả theo mùa vụ, mỗi năm 03 vụ, mỗi vụ sẽ trả cho ông Đ 40.000.000 đồng và tiền lãi.

Ông Lê Thành Th được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” số: 24/2020/QĐ-BPKCTT ngày 28 tháng 9 năm 2020 đối với tài sản của ông Th và bà M, bao gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 791,5m<sup>2</sup>, loại đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 07, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00925nF do Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú cấp ngày 29/12/2006 cho ông Lê Thành Th và bà Nguyễn Thị Tuyết M.

*Tại phiên tòa,*

Ông Đ khai đã nhiều lần bán vật tư nông nghiệp cho vợ chồng ông Th và bà M, bắt đầu bán vào khoảng năm 2011, do ông Th, bà M có canh tác đất nông nghiệp trên địa bàn. Tính đến ngày 26/5/2020, ông Th và bà M còn nợ ông Đ số tiền 314.000.000 đồng, là tiền nợ gốc. Nay ông Đ giữ nguyên yêu cầu ông Th và bà M trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 314.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật là 20%/năm, kể từ ngày

26/5/2020 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (08/4/2021) là 10 tháng lãi. Yêu cầu tiếp tục tính lãi với mức lãi suất 20%/năm, kể từ ngày 09/4/2021 cho đến khi ông Th và bà M trả hết nợ. Ông Đ không đồng ý cho trả dần theo đề nghị của bà M do nợ đã lâu, cửa hàng thiếu vốn kinh doanh. Đề nghị tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của ông Th và bà M để đảm bảo cho việc thi hành án.

*Luật sư Lôi Văn Đ phát biểu quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Nguyễn Quốc Đ như sau:*

Ông Đ và vợ chồng ông Th, bà M xác lập hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với các quy định pháp luật. Ông Th và bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của ông Đ. Do đó, đề nghị Tòa án buộc ông Th và bà M có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đ số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 314.000.000 đồng. Ông Th và bà M vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật với mức lãi suất 20%/năm, tính kể từ ngày 26/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (08/4/2021) là 10 tháng, cụ thể tiền lãi là:  $314.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 10 \text{ tháng} = 52.333.000 \text{ đồng}$ . Tổng cộng nợ gốc và lãi là 366.333.000 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi với mức lãi suất 20%/năm, kể từ ngày 09/4/2021 cho đến khi ông Th và bà M trả hết nợ. Đề nghị tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của ông Th và bà M để đảm bảo cho việc thi hành án. Do nợ đã lâu nên không chấp nhận cho trả nợ dần theo đề nghị của bị đơn.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:*

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc Đ, buộc ông Lê Thành Th và bà Nguyễn Thị Tuyết M có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đ số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ tổng cộng là 366.333.000 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc 314.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 26/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (08/4/2021) là 52.333.000 đồng. Đề nghị tiếp tục tính lãi kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/4/2021) cho đến khi ông Th và bà M thi hành án xong, với mức lãi suất 20%/năm. Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của ông Th và bà M để đảm bảo cho việc thi hành án. Về án phí, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về hợp đồng dân sự mua bán tài sản, bị đơn cư trú tại huyện CP, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Lê Thành Th, bà Nguyễn Thị Tuyết M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về xác định chứng cứ trong vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, bà M thống nhất có mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng của ông Đ và còn nợ lại số tiền 314.000.000 đồng, có làm giấy xác nhận nợ ngày 26/5/2020. Ông Th không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ mà ông Đ đưa ra. Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Biên nhận nợ ngày 26/5/2020 và lời khai thừa nhận của bà M để làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[3] Về hợp đồng mua bán tài sản:

[3.1] Căn cứ vào Biên nhận nợ ngày 26/5/2020, lời khai của ông Đ và bà M (Ly) tại Biên bản hòa giải ngày 20/10/2020, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Giữa ông Đ và vợ chồng ông Th, bà M có xác lập hợp đồng mua bán tài sản là vật tư nông nghiệp; phương thức thanh toán theo mùa vụ, đầu vụ mua hàng đến cuối vụ trả tiền, rồi tiếp tục mua hàng của vụ tiếp theo; có thỏa thuận về việc tính lãi chậm trả với mức lãi suất 2%/tháng. Tính đến ngày 26/5/2020, ông Th và bà M còn nợ ông Đ số tiền mua vật tư nông nghiệp là 314.000.000 đồng.

[3.2] Xét, hợp đồng mua bán tài sản giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức giao dịch phù hợp với quy định tại các điều 117, 118, 119, 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Bị đơn ông Th và bà M không thanh toán nợ theo thỏa thuận của các bên và không tiếp tục mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng của ông Đ là vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ. Đối với ông Th và bà M là vợ chồng, việc mua vật tư nông nghiệp tại cửa hàng ông Đ là để canh tác, phục vụ cho việc làm kinh tế gia đình, nên ông Th phải có trách nhiệm liên đới với bà M trả nợ cho ông Đ theo quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Do đó, ông Đ khởi kiện yêu cầu ông Th và bà M trả số tiền vật tư nông nghiệp còn nợ

314.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tiền là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật tại các điều 433, 440, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về việc tính lãi chậm trả tiền:

[4.1] Giữa ông Đ và ông Th, bà M khi xác lập hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp, có thỏa thuận về việc trả lãi trong trường hợp ông Th, bà M chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Tuy nhiên, thỏa thuận mức lãi suất chậm trả 2%/tháng (tương đương 24%/năm) là vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (20%/năm) nên mức lãi suất vượt quá quy định không có hiệu lực. Tại phiên tòa, ông Đ yêu cầu tính mức lãi suất theo quy định pháp luật là 20%/năm. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất chậm trả là 20%/năm và buộc ông Th, bà M phải chịu lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tiền cho ông Đ.

[4.2] Kể từ ngày 26/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (08/4/2021) là 10 tháng 13 ngày. Nguyên đơn ông Đ chỉ yêu cầu tính lãi trong thời gian này là 10 tháng (bỏ 13 ngày lãi) là có lợi cho các bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi được tính như sau:

$314.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 10 \text{ tháng} = 52.333.000 \text{ đồng}$  (làm tròn số).

Tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 08/4/2021 là: 314.000.000 đồng + 52.333.000 đồng = 366.333.000 đồng.

[5] Về ý kiến của bà M xin được trả nợ dần theo mùa vụ, mỗi năm 03 vụ, mỗi vụ sẽ trả cho ông Đ 40.000.000 đồng và tiền lãi. Do ý kiến này không được ông Đ đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận theo đề nghị của bà M. Như vậy, ông Th và bà M phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đ số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ tổng cộng là: 366.333.000 đồng, trong đó bao gồm: Tiền nợ gốc là 314.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 26/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (08/4/2021) là 52.333.000 đồng.

[6] Kể từ ngày 09/4/2021 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, ông Th và bà M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 20%/năm, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” theo Quyết định số: 24/2020/QĐ-BPKCTT ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú. Xét thấy, ông Đ yêu cầu tiếp tục duy trì việc phong tỏa tài sản của ông Th và bà M, nên cần tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời này để đảm bảo cho việc thi hành án. Phần tuyên về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong bản án không bị kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên ông Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Th và bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên ông Th và bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 111, Điều 112, Điều 126, Điều 139, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 430, Điều 440, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Điều 19 của Nghị quyết số: 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc Đ.**

Buộc ông Lê Thành Th và bà Nguyễn Thị Tuyết M (Ly) có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Quốc Đ số tiền tổng cộng là 366.333.000 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng), trong đó bao gồm:

- Tiền nợ gốc: 314.000.000 đồng (Ba trăm mười bốn triệu đồng);
- Tiền lãi tính từ ngày 26/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (08/4/2021): 52.333.000 đồng (Năm mươi hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày 09/4/2021 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, ông Th và bà M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 20%/năm, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2.** Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số: 24/2020/QĐ-BPKCTT ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với tài sản của ông Lê Thành Th và bà Nguyễn Thị Tuyết M.

Phản tuyên về biện pháp khẩn cấp tạm thời trong bản án không bị kháng cáo, kháng nghị.

**3.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho ông Nguyễn Quốc Đ số tiền 7.850.000 đồng (Bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003409 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Ông Lê Thành Th và bà Nguyễn Thị Tuyết M (Ly) phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.316.000 đồng (Mười tám triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng).

**4.** Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Quốc Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Thành Th và bà Nguyễn Thị Tuyết M (Ly) có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Linh**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**M Minh Chánh    Lê Trung Thành**

**Nguyễn Duy Linh**